

Số: /QĐ-UBND

Quảng Ninh, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc thành lập 11 Tổ hòa giải xã Quảng Ninh

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ QUẢNG NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16/06/2025;

Căn cứ Luật Hòa giải ở cơ sở số 35/2013/QH13 ngày 20/6/2013;

Căn cứ Nghị định số 15/2014/NĐ-CP ngày 27/02/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hòa giải ở cơ sở;

Căn cứ Quyết định số 315/QĐ-TTg ngày 17/4/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Nâng cao năng lực đội ngũ hòa giải viên ở cơ sở giai đoạn 2024-2030”;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng HĐND – UBND tại Tờ trình số 11/TTr-VP ngày 20/7/2026 và đề nghị của Trưởng phòng Văn hóa – Xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập 11 Tổ hòa giải xã Quảng Ninh gồm các ông, bà có tên trong danh sách kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Trách nhiệm của Tổ hòa giải, quyền và nghĩa vụ hòa giải viên thực hiện theo Điều 9, Điều 10, Điều 13 Luật Hòa giải ở cơ sở.

Tổ trưởng tổ hòa giải thực hiện quyền và nghĩa vụ theo Điều 15 Luật Hòa giải ở cơ sở.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND-UBND xã, Trưởng các phòng: Văn hóa – Xã hội, Kinh tế, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan và các ông, bà có tên trong danh sách tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Sở Tư pháp (b/c);
- Như Điều 3 QĐ;
- Lưu: VT, VP.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Bá Tài

Phụ lục

DANH SÁCH CÁC THÀNH VIÊN CỦA 11 TỔ HÒA GIẢI

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /2026 của Chủ tịch UBND xã Quảng Ninh)

1. Thôn Phúc Thành

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Chức vụ	Tổ hòa giải	Trình độ		Ghi chú
							VH	CM	
1	Lê Văn Ba	1975	Nam	Kinh	Trưởng ban CTMT	Tổ trưởng	9/12		
2	Nguyễn Anh Tuấn	1988	Nam	Kinh	Trưởng thôn	Tổ phó	12/12		
3	Lê Văn Thù	1950	Nam	Kinh	CHT Chi hội CCB	Tổ viên	9/12		
4	Hoàng Thị Xinh	1972	Nữ	Kinh	CHT Chi hội Phụ Nữ	Tổ viên	9/12		
5	Phạm Thị Duyên	1997	Nữ	Kinh	Bí thư Chi đoàn TN	Tổ viên	12/12		
6	Bùi Thị Thắm	1962	Nữ	Kinh	CHT chi hội Nông Dân	Tổ viên	12/12		
7	Đàm Phi Xô	1958	Nam	Kinh	Tổ trưởng Tổ ANTT	Tổ viên	9/12		
8	Bùi Thị Miên	1951	Nữ	Kinh	CHT Chi hội Người Cao Tuổi	Tổ viên	12/12		
9	Nguyễn Thị Hiệp	1979	Nữ	Kinh	Chi hội phó Chi hội Phụ nữ	Tổ viên	12/12		

2. Thôn Ninh Dụ

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Chức vụ	Tổ hòa giải	Trình độ		Ghi chú
							VH	CM	
1	Lê Văn Tinh	1974	Nam	Trưởng thôn	Tổ trưởng	12/12	TC		

2	Đỗ Thị Diện	1967	Nữ	Trưởng BCTMT	Tổ phó	12/12	ĐH		
3	Hoàng Văn Thạo	1986	Nam	Tổ trưởng Tổ ANTT	Tổ viên	9/12	0		
4	Dương Đình Lực	1983	Nam	Chi hội trưởng HND	Tổ viên	9/12	0		
5	Đỗ Thị Dung	1966	Nữ	Chi hội trưởng HLHPN	Tổ viên	9/12	0		
6	Dương Cao Tuấn	1954	Nam	Chi hội trưởng Hội CCB	Tổ viên	7/10	0		
7	Lữ Trọng Thắng	2000	Nam	Bí Thư ĐTNCSHCM	Tổ viên	12/12	0		
8	Lữ Trọng Chùng	1948	Nam	Chi hội trưởng Hội CTNXP	Tổ viên	7/10	0		
9	Lữ Thị Dung	1959	Nữ	Chi hội trưởng Hội NCT	Tổ viên	10/10	TC		

3. Thôn Nghiêm Sinh

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Chức vụ	Tổ hòa giải	Trình độ		Ghi chú
							VH	CM	
1	Lê Công Kiên	1969	Nam	Kinh	Trưởng ban công tác MT	Tổ trưởng	12/12	TCXD	
2	Đặng Ngọc Mạnh	1988	Nam	Kinh	PBT-Trưởng thôn	Tổ phó	12/12	ĐH KT	
3	Lê Trọng Dương	1966	Nam	Kinh	Chi hội trưởng hội CCB	Tổ phó	12/12	ĐHQS	

4	Lê Thị Thảo	1974	Nữ	Kinh	Chi hội trưởng hội PN	Tổ viên	12/12		
5	Nguyễn Văn Thiện	1988	Nam	Kinh	Chi hội trưởng hội ND	Tổ viên	12/12		
6	Nguyễn Thị Trang	2003	Nữ	Kinh	Bí thư đoàn TN	Tổ viên	12/12		
7	Nguyễn Thị Hoa	1964	Nữ	Kinh	Phó chi hội PN	Tổ viên	7/10		
8	Nguyễn Văn Bùng	1949	Nam	Kinh	Chi hội trưởng hội NCT	Tổ viên	7/10		
9	Trần Thị Lý	1964	Nữ	Kinh	UV ban chấp hành ND	Tổ viên	7/10		

4. Thôn Nhân Hùng

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Chức vụ	Tổ hòa giải	Trình độ		Ghi chú
							VH	CM	
1	Lê Văn Lý	1986	Nam	Kinh	Trưởng BCTMT	Tổ trưởng	12/12		
2	Nguyễn Hữu Trung	1988	Nam	Kinh	Bí thư, trưởng thôn	Tổ phó	12/12	ĐH	
3	Lê Công Lam	1973	Nam	Kinh	Tổ trưởng tổ an ninh	Tổ viên	12/12		
4	Phạm Văn Thanh	1992	Nam	Kinh	Bí thư chi đoàn	Tổ viên	12/12		
5	Lê Thị Tuyền	1964	Nữ	Kinh	Chi hội trưởng HLHPN	Tổ viên	10/10		
6	Nguyễn Viết Dưỡng	1950	Nam	Kinh	Chi hội trưởng người cao tuổi	Tổ viên	8/10		
7	Nguyễn Thị Biết	1965	Nữ	Kinh	Chi hội phó hội chữ thập đỏ	Tổ viên	7/10		

5. Thôn Nhân Trung

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Chức vụ	Tổ hòa giải	Trình độ		Ghi chú
							VH	CM	

1	Ngô Thị Yến	1986	Nu	Kinh	Trưởng ban CTMT	Tổ Trưởng	12/12	ĐH	
2	Nguyễn Hữu Dũng	1987	Nam	Kinh	Trưởng thôn	Tổ phó	12/12		
3	Trần Văn Trí	1971	Nam	Kinh	Phó trưởng ban CTMT	Tổ viên	9/12	SC	
4	Lê Nguyên Quân	1961	Nam	Kinh	BT Chi bộ	Tổ viên	12/12	TC	
5	Nguyễn Minh Kính	1968	Nam	Kinh	CHT Nông Dân	Tổ phó	12/12	TC	
6	Nguyễn Thị Trình	1960	Nữ	Kinh	Chi hội trưởng PN	Tổ viên	10/10	TC	

6. Thôn Đông Đại

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Chức vụ	Tổ hòa giải	Trình độ		Ghi chú
							VH	CM	
1	Nguyễn Xuân Thuần	1986	Nam	Kinh	Bí thư – TB CTMT thôn	Tổ Trưởng	12/12		
2	Đới Sỹ Đức	2000	Nam	Kinh	Thôn Trưởng	Tổ phó	12/12	ĐH	
3	Lê Thị Lâm	1954	Nam	Kinh	CHT hội khuyến học	Tổ viên	12/12	ĐH	
4	Đới Sỹ Lai	1967	Nam	Kinh	CHT hội nông dân	Tổ viên	7/12		
5	Nguyễn Thị Nê	1957	Nữ	Kinh	UV BCH Chi hội ND	Tổ viên	7/12		
6	Đới Thị Trường	1967	Nữ	Kinh	CHT Chi hội Phụ nữ	Tổ viên	7/12		
7	Đới Thị Lênh	1956	Nữ	Kinh	UV BCH Chi hội phụ nữ	Tổ viên	7/12		

7. Thôn An Đông

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Chức vụ	Tổ hòa giải	Trình độ		Ghi chú
							VH	CM	

1	Trần Ngọc Nghĩa	1975	Nam	Kinh	Bí thư chi bộ	Tổ trưởng	12/12		
2	Nguyễn Đình Trường	1990	Nam	Kinh	Trưởng thôn	Tổ phó	12/12		
3	Nguyễn Văn Quán	1981	Nam	Kinh	Trưởng ban CTMT	Tổ viên	12/12		
4	Đới Sỹ Kiên	1980	Nam	Kinh	Phó ban CTMT	Tổ viên	9/12		
5	Nguyễn Văn Tư	1984	Nam	Kinh	Phó thôn	Tổ viên	12/12		
6	Trần Thị Lý	1970	Nữ	Kinh	CHT Chi hội phụ nữ	Tổ viên	7/10		
7	Nguyễn Đình Trung	1992	Nam	Kinh	BTĐ thanh niên	Tổ viên	12/12		
8	Phạm Văn Dũng	1962	Nam	Kinh	CHT Chi hội nông dân	Tổ viên	7/10		
9	Viên Đình Hoan	1968	Nam	Kinh	CHT Chi hội CCB	Tổ viên	7/10		

8. Thôn Yên Nam

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Chức vụ	Tổ hòa giải	Trình độ		Ghi chú
							VH	CM	
1	Đoàn Công Ban	1983	Nam	Kinh	Bí Thư	Tổ trưởng	12/12		
2	Đoàn Công Dũng	1987	Nam	Kinh	Trưởng Ban CTMT	Tổ phó	12/12		
3	Trần Văn Hưng	1985	Nam	Kinh	Trưởng Thôn	Tổ viên	12/12		
4	Viên Thị Thảo	1981	Nữ	Kinh	Chi Ủy Viên	Thành Viên	12/12		
5	Lê Văn Khánh	1990	Nam	Kinh	Bí Thư Đoàn	Thành Viên	9/12		
6	Nguyễn Xuân Mai	1955	Nam	Kinh	CHT Chi hội ND	Thành Viên	7/10		

7	Viên Đình Hoàn	1969	Nam	Kinh	CHT Chi hội CCB	Thành Viên	8/12		
8	Đoàn Công Tuấn	1996	Nam	Kinh	Tổ Trưởng Tổ AN	Thành Viên	8/12		

9. Thôn Ninh Phạm

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Chức vụ	Tổ hòa giải	Trình độ		Ghi chú
							VH	CM	
1	Phạm Thị Hiền	1972	Nữ	Kinh	Trưởng Ban công tác mặt trận	Tổ trưởng	12/12		
2	Nguyễn Ngọc Hiệp	1956	Nam	Kinh	BTCB – Trưởng thôn	Tổ phó	10/10		
3	Lê Văn Hùng	1980	Nam	Kinh	Tổ trưởng tổ an ninh	Tổ viên	12/12		
4	Lê Thị Linh	1959	Nữ	Kinh	Phó Ban công tác mặt trận	Tổ viên	7/10		
5	Lê Văn Len	1954	Nam	Kinh	Chi hội trưởng hội CCB	Tổ viên	7/10		
6	Lê Văn Lại	1952	Nam	Kinh	CHT hội Nông dân	Tổ viên	7/10		
7	Hoàng Thị Hạnh	2003	Nữ	Kinh	Bí thư Đoàn thanh niên	Tổ viên	12/12		

10. Thôn Đại

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Chức vụ	Tổ hòa giải	Trình độ		Ghi chú
							VH	CM	
1	Viên Thị Sáu	04/09/1992	Nữ	Kinh	Trưởng BCTMT	Tổ trưởng	12/12	ĐH	
2	Vũ Hồng Sơn	28/10/1996	Nam	Kinh	Trưởng thôn	Tổ phó	12/12		
3	Trần Hữu Nam	25/10/1966	Nam	Kinh	Tổ Trưởng tổ ANTT	Tổ Viên	09/12		
4	Nguyễn Thị Liễu	13/04/1969	Nữ	Kinh	CHT chi hội phụ nữ	Tổ Viên	12/12		
5	Nguyễn Thị Oanh	26/12/1969	Nữ	Kinh	Chi hội phó chi hội phụ nữ	Tổ Viên	09/12		

6	Đoàn Công Hưng	10/09/1956	Nam	Kinh	CHT Chi hội CCB	Tổ Viên	09/12		
7	Lê Công Quân	28/08/1993	Nam	Kinh	Tổ phó tổ an ninh thôn	Tổ Viên	12/12		
8	Nguyễn Ngọc Tuấn	29/09/1979	Nam	Kinh	Tổ an ninh thôn	Tổ Viên	09/12		

11. Thôn Hải Nhuận

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Chức vụ	Tổ hòa giải	Trình độ		Ghi chú
							VH	CM	
1	Viên Đình Trung	1981	Nam	Kinh	Bí thư Chi bộ	Tổ trưởng	12/12		
2	Phạm Văn Thiệu	1984	Nam	Kinh	Trưởng thôn	Tổ phó	12/12		
3	Nguyễn Xuân Dương	2000	Nam	Kinh	Trưởng ban CTMT thôn	Tổ viên	12/12	ĐH	
4	Viên Đình Đăng	1946	Nam	Kinh	CHT Chi hội NCT	Tổ viên	10/10		
5	Đới Hùng Vện	1954	Nam	Kinh	CHT Chi hội Cựu chiến binh	Tổ viên	10/10		
6	Nguyễn Thị Thắng	1968	Nữ	Kinh	Phó trưởng ban CTMT, CHT Chi hội Phụ nữ	Tổ viên	10/10		
7	Văn Thị Hà	1973	Nữ	Kinh	CHT Chi hội Nông Dân	Tổ viên	9/12		
8	Viên Đình Xuyên	1950	Nam	Kinh	CHT Chi hội TNXP	Tổ viên	7/10		
9	Đoàn Công Thành	1969	Nam	Kinh	Tổ phó tổ an ninh	Tổ viên	6/10		

(Danh sách này có 88 người)